

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 131/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 – 7 – 2024  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Việt Khái.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thảo Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về: “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Quách T, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Bùi Văn S, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3/ Ông Quách Văn D, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

4/ Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

5/ Ông Bùi Minh K, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6/ Bà Nguyễn Ngọc N sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

## **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 20/02/2024 và Biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 nguyên đơn ông Bùi Minh Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Quách T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay xảy ra cự cãi, do bà T ghen tuông vô cớ. Hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2024 đến nay và xác định không còn tình cảm. Do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Bùi Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 19/10/2012 và Bùi Đan H (giới tính nam), sinh ngày 27/10/2018. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con Bùi Như Ý và giao con Bùi Đan H cho bà T nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Quá trình chung sống vợ chồng mua được 25 chỉ vàng 18K hiện nay bà T đang quản lý. Nay yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  tài sản chung 12,5 chỉ vàng 18K.

- Vợ chồng tham gia hụi do bà Nguyễn Thị T2 (mẹ vợ) làm chủ, hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi gồm 35 chân, tham gia 01 chân, tháng khai 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, đã đóng được 16 kỳ. Tổng số tiền của chân hụi này là 50.000.000 đồng, hiện hụi chưa mãn.

- Vợ chồng tham gia hụi do bà Hồ Kim O làm chủ, hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2021, tham gia 01 chân, hụi gồm 31 chân, đã đóng được 29 kỳ. Tổng số tiền của chân hụi này sau khi trừ còn là 28.000.000 đồng, hiện hụi chưa mãn. Chân hụi này vợ chồng nhờ bà T2 chơi dùm nên trong danh sách hụi tại sổ thứ tự "13 – tên Út D1".

Tổng số tiền của 02 chân hụi là 78.000.000 đồng yêu cầu nhận  $\frac{1}{2}$  số tài sản này là 39.000.000 đồng.

Không thống nhất lời trình bày của bà T về việc cố đất và chuyển nhượng đất vì phần đất này trước đây cha mẹ cho ông K, bà N mượn để canh tác nay ông K, bà N đã trả lại cho cha mẹ chứ không có việc chuyển nhượng nên không đồng ý chia giá trị phần đất là 30 chỉ vàng 24K. Đối với việc bà T trình bày có hùn 20 chỉ vàng 24K để cất nhà cho cha mẹ việc này cũng không có nên không đồng ý chia 20 chỉ vàng 24K cho bà T.

Về nợ chung: Trước đây vợ chồng vay ông D1 10 chỉ vàng 24K nên đồng ý cùng với bà T thanh toán 10 chỉ vàng 24K cho ông D1.

*Tại Biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 bị đơn bà Quách T trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống như ông Đ trình bày là đúng. Quá trình chung vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do ông Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông Đ yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 người con chung tên Bùi Như Ý, sinh ngày 19/10/2012 và Bùi Đan H, sinh ngày 27/10/2018. Sau khi ly hôn bà đồng ý nuôi con Bùi Đan H và giao Bùi Như Ý cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

- Phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 05 công nhưng theo đo đạc thực tế là 7.811,7 m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phần đất này thuộc phần đất có tổng diện tích 16.218,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 549, tờ bản đồ số 04 do cha mẹ chồng là ông S và bà T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 7.811,7 m<sup>2</sup> trước đây cha mẹ chồng cho anh chồng là ông K và vợ bà N nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Năm 2013 thì vợ chồng ông K, bà N đã có cho vợ chồng bà, do anh em trong gia đình tin tưởng nhau nên chỉ có bằng miệng không xác lập hợp đồng, thời hạn không xác định, giá 10 chỉ vàng 24K. Đến tháng 3/2023 thì vợ chồng bà và vợ chồng ông K thoả thuận vợ chồng bà đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất này từ vợ chồng ông K với giá tổng cộng là 30 chỉ vàng 24K và đã đưa trước khi cố đất là 10 chỉ vàng 24K nên vợ chồng đã đưa thêm 20 chỉ vàng 24K. Khi chuyển nhượng không xác lập hợp đồng mà chỉ thoả thuận bằng lời nói. Việc cố đất và chuyển nhượng thì cha mẹ chồng đều biết nên vợ chồng bà đã quản lý đất từ năm 2013 cho đến nay có bờ ranh và công xỏ riêng nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Do phần đất chung của cha mẹ chồng trước đây nhận chuyển nhượng của người khác cũng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền đến tháng 6/2023 thì cha mẹ thực hiện thủ tục đo đạc để cấp Giấy chứng nhận và có ý định tách thửa phần diện tích 7.811,7 m<sup>2</sup> cho vợ chồng bà đứng tên. Tuy nhiên, khi đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên cha mẹ không thực hiện thủ tục cho vợ chồng bà đứng tên nên hiện nay phần đất của vợ chồng vẫn nằm chung trong phần diện tích 16.218,4m<sup>2</sup> do cha mẹ chồng đứng tên. Nay bà

đồng ý giao phần đất diện tích 7.811,7 m<sup>2</sup> cho ông Đ quản lý. Giá trị khi chuyển nhượng là 30 chỉ vàng 24K nên yêu cầu ông Đ chia  $\frac{1}{2}$  giá trị phần đất là 15 chỉ vàng 24K.

- Vào năm 2019 vợ chồng có góp 20 chỉ vàng 24K để cùng với cha mẹ chồng xây nhà trên phần đất nuôi trồng thủy sản. Nay yêu cầu ông Đ chia  $\frac{1}{2}$  số tài sản trên là 10 chỉ vàng 24K.

Tổng cộng các tài sản chung là 50 chỉ vàng 24K, yêu cầu được nhận 25 chỉ vàng 24K, yêu cầu được nhận giá trị tương đương số tiền 175.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vào năm 2013 vợ chồng có vay của cha ruột ông D1 20 chỉ vàng 24K để nhận chuyển nhượng phần đất của ông K, bà N. Đến năm 2020 vợ chồng có mua chân hụi 2.000.000 đồng và trả cho ông D1 10 chỉ vàng 24K. Nay còn nợ 10 chỉ vàng 24K nên yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  nợ chung, yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm thanh toán 10 chỉ vàng 24K cho ông D1.

Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà về nhà mẹ ruột sống không đem theo tài sản gì nên việc ông Đ trình bày bà quản lý 25 chỉ vàng 18K là không có nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Đ. Vợ chồng tham gia hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2020 âm lịch, hụi gồm 35 chân, tham gia 01 chân do bà T2 làm chủ, tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, đã đóng được 15 kỳ, hiện hụi chưa mãn. Số tiền đã đóng được là 15 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 chân = 30.000.000 đồng, đồng ý thanh toán số tiền 15.000.000 đồng cho ông Đ.

Mua hụi 2.000.000 đồng được số tiền với giá 59.000.000 đồng, để trả 10 chỉ vàng 24K cho ông D1 nên không đồng ý thanh toán lại cho ông Đ. Đối với hụi 1.000.000 đồng ông Đ trình bày là không đúng, vợ chồng không tham chân hụi này, hụi này là của bà T2 không phải của vợ chồng nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Đ.

*Tại Biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn K1 và bà Nguyễn Ngọc N trình bày:* Vào năm 2013 cha mẹ là ông S và bà T1 có cho vợ chồng mượn phần đất diện tích 05 công tại ấp V, xã P để vợ chồng canh tác, phần đất có cống xổ và bờ ranh, vợ chồng canh tác được 02 năm thì vợ chồng được cha mẹ vợ cho phần đất khác tại huyện T nên vợ chồng đã trả lại phần đất cho ông S, bà T1. Nên lời trình bày của bà T về việc có đất và chuyển nhượng đất là thực tế không xảy ra.

*Tại Biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn S và bà Lưu Thị T1 trình bày:* Vợ chồng ông bà có phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích khoảng hơn 24.000m<sup>2</sup> tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, nguồn gốc phần đất trước đây vào năm 1993 nhận chuyển nhượng của người khác nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền. Đến năm 2023 thì mới thực hiện thủ tục đo đạc để cấp Giấy chứng nhận. Vào khoảng năm 2013 ông bà có cho con

traí và con dâu là ông K1 và bà N mượn phần diện tích 05 công để canh tác. Sau đó, đến năm 2015 ông K1 và bà N đến sinh sống tại huyện T thì trả lại phần đất này cho ông bà. Khi mượn thì chỉ thoả thuận bằng miệng không xác lập hợp đồng. Khi ông K1, bà N trả lại đất thì ông bà vẫn quản lý đất nhưng do ông bà có cổ phần đất khác tại huyện T không thường xuyên ở nhà mà giao cho vợ chồng ông Đ, bà T xỏ vuông và được sử dụng nguồn tiền từ việc xỏ vuông để lo chi phí trong gia đình và lo phụ giúp cất nhà vì ông Đ là con út trong gia đình. Còn việc bà T trình bày là ông bà có cho ông K1, bà N 05 công đất là không đúng mà ông bà chỉ cho con mượn. Hiện nay phần đất ông bà đã được cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2019 ông bà có cất nhà trên phần đất nuôi trồng thuỷ sản, nguồn tiền cất nhà là do ông bà tích góp mà có chứ ông Đ, bà T không có hùn khoảng từ nào như bà T trình bày.

*Tại Biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn D trình bày:* Vào năm 2013 vợ chồng ông Đ, bà T có vay của ông 20 chỉ vàng 24K, khi vay thì do trực tiếp bà T nhận, hiện đã trả 10 chỉ vàng 24K. Nay còn nợ 10 chỉ vàng 24K nên yêu cầu ông Đ và bà T có trách nhiệm thanh toán 10 chỉ vàng 24K.

*Tại biên bản làm việc ngày 25/4/2024 bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Vào ngày 15/11/2022 bà có mở hội 2.000.000 đồng, hội gồm 35 chân, vợ chồng ông Đ và bà T tham gia 01 chân, đã đóng được 15 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 chân = 30.000.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay, hiện hội chưa mãn và hiện bà đang đóng chân hội này cho ông Đ, bà T. Đối với hội 1.000.000 đồng do bà Hồ Kim O làm chủ, hội gồm 31 chân, bà tham gia 01 chân và hiện đã hết, hiện hội còn 02 kỳ nữa mãn. Chân hội này của bà tham gia chơi chứ không chơi dùm ông Đ, bà T. Ông Đ cho rằng chân hội này vợ chồng ông Đ, bà T nhờ bà chơi dùm là không đúng.

*Tại biên bản làm việc ngày 17/5/2024 bà Hồ Kim O trình bày:* Vào ngày 20/11/2021 bà có mở hội, loại hội 1.000.000 đồng, gồm có 31 chân, bà T2 tham gia 01 chân và đã hết. Trong đây hội này ông Đ, bà T không có tham gia chơi, quá trình chơi hội bà chỉ giao dịch hội với bà T2 còn việc ông Đ cho rằng có nhờ bà T2 tham gia dùm cho vợ chồng ông Đ hay không thì bà không biết.

Tại đơn yêu cầu ngày 28/6/2024 ông Bùi Minh Đ trình bày: Nay giữa ông và bà T đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung nên ông xin rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung.

Tại đơn yêu cầu ngày 28/6/2024 bà Quách T trình bày: Nay giữa bà và ông Đ đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết tài sản chung nên bà xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Đồng thời, yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại đơn yêu cầu ngày 22/7/2024 ông Quách Văn D trình bày: Nay giữa ông và ông Đ, bà T đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết 10 chỉ vàng 24K nên ông xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Đồng thời, yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 28/6/2024 ông Bùi Văn S, bà Lưu Thị T1, ông Bùi Văn K1, bà Nguyễn Ngọc N trình bày: Do bận công việc gia đình nên yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/7/2024 bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Do bận công việc gia đình nên yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt đến khi giải quyết xong vụ án.

Đại diện chính quyền địa phương UBND xã P nơi hai bên đương sự sinh sống xác định: Ông Đ và bà T không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Tại phiên tòa:

- Ông Bùi Minh Đ trình bày: Ông vẫn giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với bà T. Về nuôi con ông yêu cầu được nuôi con Bùi Như Ý, giao con Bùi Đan H cho bà T nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong gian đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Minh Đ đối với bà Quách T. Về nuôi con chung giao người con tên Bùi Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 19/10/2012 cho ông Bùi Minh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, giao Bùi Đan H (giới tính nam), sinh ngày 27/10/2018 cho bà Quách T tiếp tục nuôi dưỡng. Phần cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung 12,5 chỉ vàng 24K và số tiền 39.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Quách T về việc yêu cầu chia tài sản chung 25 chỉ vàng 24K. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Quách Văn D về việc yêu cầu ông Bùi Minh Đ và bà Quách T thanh toán 10 chỉ vàng 24K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Minh Đ khởi kiện xin ly hôn với bà Quách T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Quách T cư trú tại ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Quách T, ông Bùi Văn S, bà Lưu Thị T1, ông Quách Văn D, bà Nguyễn Thị T2, ông Bùi Minh K, bà Nguyễn Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Bùi Minh Đ và bà Quách T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2012 ngày 03/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân giữa ông Đ và bà T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông Đ nhận thấy trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm hay xảy ra cự cãi. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn. Đối với, bà T xét thấy tình cảm không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Đ và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ, ông Đ được ly hôn với bà T.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Bùi Như Ý, sinh ngày 19/10/2012 và Bùi Đan H, sinh ngày 27/10/2018. Sau khi ly hôn ông Đ và bà T thống nhất giao Bùi Như Ý cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao Bùi Đan H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, tại bản tự khai ngày 20/02/2024 con chung Bùi Như Ý có nguyện vọng sống với ông Đ. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con giữa ông Đ và bà T không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định giao Bùi Như Ý cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao Bùi Đan H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Ông Đ và bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ yêu cầu được nhận ½ tài sản chung gồm 12,5 chỉ vàng 18K và số tiền 39.000.000 đồng. Bà T yêu cầu được nhận ½ tài sản chung gồm 25 chỉ vàng 24K, yêu cầu được nhận giá trị tương đương số tiền 175.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 28/6/2024 ông Đ, bà T đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Ông D yêu cầu ông Đ và bà T có trách nhiệm thanh toán 10 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, giữa ông D và ông Đ, bà T đã tự thỏa thuận về nợ nên ngày 22/7/2024 ông D đã rút lại đơn yêu cầu độc lập.

Xét thấy, việc rút đơn yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi

Minh Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung 12,5 chỉ vàng 24K và số tiền 39.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Quách T về việc yêu cầu chia tài sản chung 25 chỉ vàng 24K. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Quách Văn D về việc yêu cầu ông Bùi Minh Đ và bà Quách T thanh toán 10 chỉ vàng 24K. Ông Đ, bà T và ông D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Đ phải chịu; án phí chia tài sản chung, nợ chung ông Đ, bà T, ông D được nhận lại theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bùi Minh Đ đối với bà Quách T. Ông Bùi Minh Đ được ly hôn với bà Quách T.

Về nuôi con chung: Giao người con tên Bùi Như Ý (giới tính nữ), sinh ngày 19/10/2012 cho ông Bùi Minh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao Bùi Đan H (giới tính nam), sinh ngày 27/10/2018 cho bà Quách T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Ông Bùi Minh Đ và bà Quách T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của nhau.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh Đ về việc yêu cầu chia tài sản chung 12,5 chỉ vàng 24K và số tiền 39.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Quách T về việc yêu cầu chia tài sản chung 25 chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Quách Văn D về việc yêu cầu ông Bùi Minh Đ và bà Quách T thanh toán 10 chỉ vàng 24K.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.



Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Bùi Minh Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Bùi Minh Đ đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003269 ngày 06 tháng 3 năm 2024 và số tiền 2.955.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003434 ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông Đ được nhận lại 2.955.000 đồng.

- Bà Quách T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 4.375.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003383 ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà T được nhận lại toàn bộ.

- Ông Quách Văn D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.738.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003384 ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, ông D được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân;  
(Giấy CNKH số 02 ngày 03/01/2012)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Như**